

DANH SÁCH - BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/07/2025
PHÒNG THI B201B - GIỜ THI: 18H00

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
1	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	15/08/2004	TP. HCM	22211OT3303	CD22OT19	62	48	325	200	525	B201B
2	Bình Đăng	Khoa	12/10/2004	Ninh Thuận	22211DC2844	CD22DC2	38	23	175	45	220	B201B
3	Lê Minh	Khôi	27/04/2004	Ninh Thuận	22211TD0674	CD22TD1	49	29	245	85	330	B201B
4	Phạm Vũ	Khuong	11/10/2003	Cà Mau	21211OT3219	CD21OT15	43	20	200	30	230	B201B
5	Nguyễn Đăng	Kiên	28/08/2004	Nghệ An	22211OT4260	CD22OT21	42	37	195	130	325	B201B
6	Nguyễn Thái Thy	Kiên	27/09/2003	Tây Ninh	22211DH4109	CD22DH2	58	37	300	130	430	B201B
7	Trần Tuấn	Kiệt	17/09/2003	Bình Dương	21211TT4493	CD21TT9	42	39	195	145	340	B201B
8	Lê Anh	Kiệt	04/11/2003	Phú Yên	21211OT0908	CD21OT6	22	34	85	115	200	B201B
9	Văn Đức Anh	Kiệt	11/07/2006	Bình Phước	24211LD1798	CD24LD1	48	29	240	85	325	B201B
10	Nguyễn Huỳnh Quốc	Kiệt	08/11/2005	Bình Thuận	24211LD1747	CD24LD1	53	34	270	115	385	B201B
11	Nguyễn Trần Tuấn	Kiệt	02/01/2005	Đồng Nai	23211OT0502	CD23OT2	56	32	290	100	390	B201B
12	Phạm Tuấn	Kiệt	20/01/2004	Quảng Ngãi	22211OT3040	CD22OT12	49	24	245	50	295	B201B
13	Nguyễn Minh	Kỳ	02/03/2002	Đồng Nai	20211TM4383	CD20TM1	52	45	260	180	440	B201B
14	Nguyễn Công	Lam	02/12/1999	Bình Thuận	23211TM0724	CD23TM1	34	27	150	70	220	B201B
15	Nguyễn Tùng	Lâm	12/11/2002	Hải Phòng	20211TT2188	CD20TT4	33	51	145	220	365	B201B
16	Lê Thanh	Lâm	20/04/2003	Đồng Nai	21211CD1061	CD21CD1	35	16	160	10	170	B201B
17	Đồng Thị	Lan	07/11/2003	Hải Dương	22211NH2171	CD22NH1	35	49	160	210	370	B201B
18	Nguyễn Thị Nhật	Lan	20/04/2003	Sóc Trăng	21211NH2367	CD21NH1	47	36	230	125	355	B201B
19	Phạm Đình	Liêm	28/04/2004	Đắk Lắk	23211DL0661	CD23DL2	36	33	165	110	275	B201B
20	Đỗ Thị Vân	Linh	10/12/2005	Bình Định	23211KD1662	CD23KD1	54	36	275	125	400	B201B

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
21	Phạm Ngọc	Linh	05/05/1999	Bắc Giang	20211TT0033	CD20TT1	57	33	295	110	405	B201B
22	Nhâm Phạm Ngọc Thùy	Linh	22/05/2003	TP. HCM	21211KT0837	CD21KT3	69	37	370	130	500	B201B
23	Nguyễn Thị Hồng	Linh	13/06/2005	Ninh Thuận	23211LG2348	CD23LG2	45	24	215	50	265	B201B
24	Trần Văn	Linh	19/01/2004	Tây Ninh	22211DC3356	CD22DC2	45	28	215	80	295	B201B
25	Nguyễn Như	Linh	05/07/2002	Đồng Nai	21211TT0294	CD21TT1	39	29	180	85	265	B201B
26	Dương Thị Ái	Loan	10/10/2005	Bình Định	23211LG3042	CD23LG2	56	18	290	20	310	B201B
27	Mông Thị	Loan	13/01/2003	Tuyên Quang	22211KD3110	CD22KD2	41	24	190	50	240	B201B
28	Nguyễn Đức	Long	22/10/2004	Quảng Ngãi	22211OT3039	CD22OT12	53	26	270	65	335	B201B
29	Trương Phúc	Luân	10/12/2004	Sóc Trăng	23211KD3809	CD23KD1	45	25	215	60	275	B201B
30	Nguyễn Thành	Luân	26/06/2003	Phú Yên	21211DK4585	CD21DK2	38	28	175	80	255	B201B
31	Nguyễn Quốc	Lượng	27/12/2003	Đồng Nai	21211TT4642	CD21TT9	31	0	135	5	140	B201B
32	Nguyễn Ngọc	Luyến	03/06/2004	Bình Định	22211OT4470	CD22OT22	47	22	230	40	270	B201B
33	Phạm Thị Kim	Ly	10/03/2005	Bình Định	23211LG1545	CD23LG2	43	35	200	120	320	B201B
34	Nguyễn Thị	Ly	02/04/2004	Sơn La	23211KT3935	CD23KT4	38	24	175	50	225	B201B
35	Nguyễn Thị	Ly	03/03/2005	Bình Định	23211KS1855	CD23KS1	37	22	170	40	210	B201B
36	Trần Mai	Ly	27/08/2005	Đắk Lắk	23211LH4001	CD23LH1	40	25	185	60	245	B201B
37	Tổng Thị Tuyết	Mai	28/07/2002	Kiên Giang	20211DT3124	CD20DT1	43	32	200	100	300	B201B
38	Nguyễn Lê Kim	Mai	14/05/2004	TP. HCM	22211QT2933	CD22QT2	45	29	215	85	300	B201B
39	Nông Văn	Mạnh	11/07/2003	Bình Phước	21211LG1147	CD21LG2	48	30	240	90	330	B201B
40	Đặng Thị Kiều	Mi	04/07/2002	Ninh Thuận	20211LG2387	CD20LG2	44	29	210	85	295	B201B

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
41	Vũ Hữu	Minh	17/07/2002	Ninh Thuận	20211DC4353	CD20DC4	35	25	160	60	220	B201B
42	Dương Trần Công	Minh	28/04/2001	Bình Phước	21211DH1517	CD21DH1	50	21	250	35	285	B201B
43	Đàm Thị Mộng	Mơ	19/02/2004	Bình Định	22211KT2005	CD22KT3	49	43	245	170	415	B201B
44	Nguyễn Thị Thanh	Mộng	30/09/2003	Bình Định	22211LG4218	CD22LG4	44	24	210	50	260	B201B
45	Đặng Trần Tiểu	My	14/07/2004	Bình Định	22211QT4702	CD22QT1	69	58	370	260	630	B201B